

Số: 180 /BC-UBND

Krông Ana, ngày 12 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO

**Tổng kết năm học 2015 - 2016 và phương hướng, nhiệm vụ
năm học 2016 - 2017 ngành Giáo dục và Đào tạo**

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2015 - 2016

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (khóa XI) về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Thực hiện Chỉ thị số 3131/CT-BGDĐT, ngày 25/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm năm học 2015-2016 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 2068/QĐ-UBND, ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch, thời gian năm học 2015-2016 và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2015-2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, cùng với sự hỗ trợ tích cực của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và toàn xã hội, ngành giáo dục huyện Krông Ana đã không ngừng phấn đấu, phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn thực hiện nhiệm vụ và những chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra trong năm học, kết quả đạt được như sau:

I. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH (Phụ lục 1a)

a) Giáo dục mầm non:

Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đến trường tăng so với năm học trước: Trẻ nhà trẻ tăng 1,5%, trẻ mẫu giáo tăng 0,5%, trẻ mẫu giáo 5 tuổi tăng 0,2%.

b) Giáo dục phổ thông:

- Giáo dục Tiểu học: Huy động số trẻ trong độ tuổi ra lớp 1 đạt tỷ lệ 100%; tăng 0,3 % so với năm trước. 100% số trường có lớp học 2 buổi/ngày. Duy trì sĩ số đạt 99,2%, giảm 0,8% so với năm học trước.

- Giáo dục THCS: Số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học được tuyển sinh vào lớp 6 đạt tỷ lệ 97%. Duy trì sĩ số đạt 97,7%; HS bỏ học 2,3% (tính đến hết tháng 5/2016), giảm 0,5% so với năm học trước.

- Giáo dục THPT: Số học sinh tốt nghiệp THCS được tuyển sinh vào lớp 10 đạt tỷ lệ 89,6%, so với năm học trước tăng 5 %. Duy trì sĩ số đạt 96,4%; HS bỏ học 3,6%, tăng 0,9% so với năm học trước.

- Trung tâm GDTX: Tuyển sinh đa dạng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng. Học sinh bỏ học chiếm 1%, giảm 0,3% so với năm học trước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2015 - 2016

1. Về công tác quản lý giáo dục và đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt, có hiệu quả Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; giáo dục, bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, năng lực và hiệu quả công tác cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho học sinh gắn với việc đưa nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành thành hoạt động thường xuyên trong mỗi đơn vị, cơ sở giáo dục.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Công văn số 4492/UBND-TH, ngày 08/6/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Giáo dục và Đào tạo.

Việc thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT, ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân đã được phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường thực hiện theo nguyên tắc dân chủ, công bằng và hiệu quả trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và công khai chất lượng dạy học của mỗi đơn vị.

Công tác kiểm tra tiếp tục được đổi mới, thực hiện nghiêm túc Nghị định 42/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 39/2013/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác thanh tra trong giáo dục; tập trung vào kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra công tác quản lý của hiệu trưởng; thực hiện tốt kiểm tra chuyên đề các vấn đề bức xúc được xã hội quan tâm. Công tác tự kiểm tra của các cơ sở giáo dục tiếp tục được coi trọng. Đa số các đơn vị trường học đã bám sát tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ và triển khai thực hiện đúng quy trình, chú trọng đến khắc phục những tồn tại sau kiểm tra nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của đối tượng được kiểm tra. Hiệu quả của công tác kiểm tra được phát huy, góp phần tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng giáo dục tại các trường học trong toàn huyện.

Công tác kiểm tra chuyên ngành, chuyên đề thực hiện tại 19 trường (10 trường Mầm non: Krông Ana, Hoa Phụng, Hoa Cúc, Hoa Sen, Sơn Ca, Sao Mai, Cư Pang, Mai Lan, Mickey, Bình Minh; 07 trường Tiểu học: Ea Bông, Võ Thị Sáu, Hoàng Văn Thụ, Tây Phong, Lê Lợi, Tình Thương, Dray Sáp; 02 trường THCS: Lê Quý Đôn, Lê Văn Tám).

Triển khai kịp thời Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT, ngày 07/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục , quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non . Có 100% trường mầm

non sử dụng phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, chỉ đạo; 100% cơ sở giáo dục hoàn thành công tác tự đánh giá theo đúng quy định với cách làm phù hợp, đảm bảo khách quan.

Việc tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và các hoạt động giáo dục được tiếp tục triển khai có hiệu quả rõ rệt. Tiếp tục phát huy vai trò quan trọng của trang quản lý công văn trực tuyến (OMS) để phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành, thống nhất sử dụng chung một phần mềm quản lý nhà trường đối với cấp THCS, bước đầu triển khai sử dụng sổ sách điện tử thay sổ sách trên giấy. Đã ứng dụng một số tiện ích hỗ trợ cho công tác thống kê, tổng hợp.

2. Về tổ chức hoạt động giáo dục

2.1. Thực hiện nhiệm vụ chung của các cấp học

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh, năm học 2015-2016, phòng Giáo dục và Đào tạo đã triển khai việc đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng gắn với việc tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong toàn ngành thành hoạt động thường xuyên của ngành. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao,... được các đơn vị hưởng ứng tích cực và tham gia sôi nổi. Chất lượng các lớp tập huấn, chuyên đề về giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng y tế, công tác Đội, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, tuyên truyền biển đảo, an ninh, trật tự, phòng, chống đuối nước, tai nạn thương tích,... cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được nâng cao.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các bậc học, cấp học đã được UBND huyện, phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị giáo dục và địa phương tiếp tục quan tâm. Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia 21/46 trường (tính cả THPT), tỷ lệ 45,65%, trong đó bậc học MN có 05 trường, đạt tỷ lệ 38,4%; cấp TH có 11 trường, đạt tỷ lệ 55%, cấp THCS có 04 trường, đạt tỷ lệ 40,0%, cấp THPT có 01 trường, đạt tỷ lệ 33,3%. Kế hoạch giai đoạn 2016-2020 xây dựng thêm 05 trường đạt chuẩn Quốc gia gồm: THCS Lê Đình Chinh (2016), TH Tây Phong (2017), MN Cư Pang (2018), THCS Lê Quý Đôn (2019) và TH Y Nông (2020).

Đã tiếp tục triển khai và thực hiện tốt công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục. 100% trường học thực hiện tự đánh giá theo quy định, trong đó có 7 trường đủ điều kiện đăng ký đánh giá ngoài trong năm 2016 (MN: 04; TH: 02, THCS: 01). Nâng tổng số trường học đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng lên 16 trường, đạt tỷ lệ 38% (MN: 07; TH: 06; THCS: 03).

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, xây dựng các chương trình dạy học dựa theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để thực hiện có hiệu quả Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020” phù hợp với điều kiện thực tế của huyện nhà. Có 100% trường tiểu học dạy học môn Tiếng Anh, trong đó có 05 trường dạy học theo Đề án 1400 của Thủ tướng Chính phủ. Tham mưu xin chủ trương mở lớp ôn tập và thi chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của khung tham chiếu chung châu Âu cho công chức, viên chức trong Ngành nhằm đảm bảo điều kiện chuyển đổi mã số, chức danh

nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên toàn ngành theo các Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và củng cố phổ cập giáo dục Trung học cơ sở. Quan tâm đến vấn đề chất lượng giáo dục ở các cấp học đối với giáo dục dân tộc, giáo dục vùng khó khăn; chú trọng thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện nhân rộng mô hình Trường học mới (VNEN) trong trường TH và THCS, dạy học Tiếng Việt lớp 1 - Công nghệ giáo dục. Tăng cường dạy học áp dụng phương pháp tích cực phát huy vai trò của người học, các hoạt động thực hành, thí nghiệm, thực tế, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe, giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh.

Chủ động tổng hợp, lập dự toán năm, phối hợp với phòng Tài chính và Kế hoạch tham mưu UBND huyện phân bổ dự toán cho các trường đúng, đủ trên cơ sở Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 23/8/2006; Thông tư liên tịch số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28/11/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 30/3/2016 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; hỗ trợ hoạt động dạy học theo tính chất địa bàn, trường lớp nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy học;

Triển khai hiện đầy đủ các chế độ, chính sách hỗ trợ cho học sinh thuộc đối tượng chính sách, học sinh dân tộc, trẻ khuyết tật hòa nhập; phối hợp giúp đỡ, động viên học sinh dân tộc đi học đúng độ tuổi, bỏ học đi học lại. Nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh, học sinh, các cấp chính quyền và nhân dân các địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực; xem việc chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ dừng lại ở vấn đề nhân đạo mà là trách nhiệm của ngành giáo dục, của toàn xã hội.

Tiếp tục tăng cường giải pháp cải tiến công tác quản lý, sinh hoạt chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, từng bước nâng cao hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Coi trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định của Ngành, pháp luật của Nhà nước. Hướng dẫn các trường kiện toàn tổ chức bộ máy, tổ chức tốt Hội nghị công chức, viên chức. Chỉ đạo các trường học nghiêm túc thực hiện “Ba công khai” theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT, ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện đổi mới công tác thi đua, khen thưởng nhằm phát huy tối đa năng lực sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn, đồng thời hướng đến khen thưởng đúng người, đúng đối tượng. Việc áp dụng một số thành tích được tính là sáng kiến để làm căn cứ xét duyệt các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bước đầu đã

nhận được nhiều ý kiến tích cực, góp phần phát huy tối đa năng lực sáng tạo của từng cá nhân nhằm phục vụ cho sự nghiệp giáo dục trên địa bàn huyện. Nhằm vinh danh các cá nhân xuất sắc trong công tác thực hiện nhiệm vụ giáo dục, bằng nguồn đóng góp, tài trợ từ các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các trung tâm trong và ngoài tỉnh, phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức phát thưởng cho hơn 100 học sinh và gần 80 giáo viên tiêu biểu trong năm học 2015-2016 tại Lễ biểu dương học sinh và giáo viên xuất sắc nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6/2016.

Công tác tuyên truyền, vận động xã hội hóa giáo dục đã được quan tâm nhiều hơn, phòng Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác xã hội hóa nhằm phát huy tối đa sự ủng hộ của chính quyền và nhân dân tại địa phương. Từ đó, nhân dân hiểu rõ tầm quan trọng của công tác xã hội hóa giáo dục, giúp tăng thêm các điều kiện phát triển giáo dục, góp phần tích cực trong việc vận động trẻ ra lớp, vận động học sinh bỏ học đi học lại, tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và giáo dục. Nhiều trường đã sáng tạo, năng động sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, có hiệu quả nên đã đem lại niềm tin cho nhân dân.

2.2. Giáo dục mầm non

Đã chỉ đạo cho các đơn vị tổ chức nuôi, dạy trẻ đảm bảo theo quy định; cân đo theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng cho trẻ ngay vào đầu năm học có đánh giá cụ thể. Sau từng giai đoạn trẻ được tiếp tục theo dõi và đánh giá so với lần trước. Các đơn vị, trường học đã phối hợp với Trung tâm Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, nếu trẻ có biểu hiện suy dinh dưỡng báo ngay với cha, mẹ học sinh để có biện pháp cùng chăm sóc.

Triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả việc huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, trẻ ăn bán trú tại các trường mầm non theo Công văn số 2417/TTg-KGVX, ngày 31/12/2015 Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài việc thực hiện một số chính sách đối với trẻ em và giáo viên mầm non. Quản lý chặt chẽ các lớp mầm non tư thục theo đúng Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT, ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục.

Tổ chức tốt các Hội thi các cấp, tạo điều kiện cho các giáo viên có cơ hội giao lưu, học tập kinh nghiệm lẫn nhau. Tiêu biểu có các Hội thi: Giáo viên Mầm non dạy giỏi cấp huyện, Kể chuyện tám gương đạo đức Hồ Chí Minh cấp huyện và tham gia cấp tỉnh và Hội thi Đồ dùng, đồ chơi tự tạo cấp tỉnh đạt giải 3 cấp tỉnh.

Tổ chức và phát huy hiệu quả các chuyên đề, hội giảng, thao giảng; soạn giảng theo chương trình mầm non mới, nội dung tích hợp một ngày. 100% trường thực hiện chương trình Mầm non mới và thực hiện Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi; thực hiện chương trình theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ; đổi mới phương pháp dạy học “tích cực hóa” hoạt động của trẻ; đảm bảo quản lý an toàn cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số bằng hình thức tổ chức chuyên đề “Chuẩn bị Tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số” và chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ 5 tuổi vào lớp Một. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non được đánh giá theo quy định (*Phụ lục 2a, 2b*).

2.3. Giáo dục phổ thông

a) Giáo dục Tiểu học:

Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tất cả các trường tiểu học. Tiếp tục duy trì và tăng cường tổ chức dạy học các môn tự chọn phù hợp với tình hình thực tế; đảm bảo 100% số xã, thị trấn có trường tiểu học dạy học tiếng Anh, Tin học; có 10 trường dạy môn tiếng Êđê.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình Trường học mới Việt Nam (VNEN), Tiếng Việt lớp 1- Công nghệ giáo dục và phương pháp dạy học “Bàn tay nặn bột”. Bước đầu áp dụng có hiệu quả phương pháp dạy học theo phương pháp của Đan Mạch vào môn Mỹ thuật và bộ sách cùng học Tin học.

Tổ chức các Hội thi, giao lưu với nhiều nội dung và hình thức phong phú như: Giáo viên Tiểu học dạy giỏi, Giao lưu tiếng Việt của chúng em dành cho học sinh dân tộc thiểu số, giải Toán qua mạng, Tiếng Anh qua mạng thu hút hơn 1.000 lượt học sinh tham gia. Có 571 lượt học sinh đạt giải các cuộc thi cấp huyện, 93 học sinh đạt giải các cuộc thi cấp tỉnh và 4 học sinh đạt giải trong các kì thi cấp Quốc gia. Đặc biệt, tham dự Hội thi Giáo viên Tiểu học dạy giỏi cấp tỉnh đạt giải Nhì toàn đoàn.

Triển khai và thực hiện nghiêm túc việc đổi mới đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 100% học sinh được đánh giá, kết quả có 97,4% học sinh hoàn thành chương trình lớp học; 99,7% học sinh hoàn thành chương trình tiểu. Chất lượng giáo dục các mặt được đánh giá cụ thể phù hợp với tình hình thực tế (*Phụ lục 3a, 3b*).

b) Giáo dục THCS:

Mở rộng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tại các trường có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và giáo viên. Có 9/10 trường THCS có tổ chức dạy học 2 buổi/ngày với 62 lớp và 2072 học sinh.

Triển khai và chỉ đạo các trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học đáp ứng yêu cầu và phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương (thí điểm dạy học mô hình Trường học mới tại 7 trường THCS, tổ chức dạy Tin học tự chọn). Tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, tăng cường vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển năng lực tự học và sáng tạo; thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá, đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh. Một số trường đã tổ chức các hoạt động tạo điều kiện cho học sinh sử dụng Ngoại ngữ trong giao tiếp, tạo cơ hội cho nhiều học sinh tham gia. Thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học, tổ chức và thu hút học sinh tham gia nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; các hoạt động giao lưu, hoạt động học thông qua các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chủ điểm và các hoạt động trải nghiệm.

Tổ chức tốt các cuộc thi và tham gia dự thi các cấp đạt kết quả tương đối cao đã góp phần thúc đẩy, phát triển năng lực học tập của học sinh và chất lượng dạy học trong các trường phổ thông. Có 641 lượt học sinh đạt giải các cuộc thi cấp huyện, 134 học sinh đạt giải các cuộc thi cấp tỉnh và 08 học sinh đạt giải trong các kì thi cấp Quốc gia. Chất lượng mũi nhọn cấp THCS được xếp thứ 03 trên toàn tỉnh.

Chất lượng giáo dục 2 mặt giáo dục được đánh giá theo quy định phù hợp tình hình thực tế (*Phụ lục 4a*).

c) Giáo dục THPT:

Hệ thống trường lớp THPT trên địa bàn huyện ổn định, đảm bảo thuận tiện cho công tác tuyển sinh và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh trên địa bàn các xã, thị trấn tham gia học tập. Các trường đã chủ động lập kế hoạch dạy học, chú trọng định hướng phát triển năng lực học sinh sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh

Việc triển khai dạy học tích hợp, hoạt động ngoài giờ lên lớp, văn hoá văn nghệ; GDQP-AN và hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông được thực hiện nghiêm túc. Sự phối hợp với TT GDTX huyện về tổ chức cho học sinh tham gia học và thi nghề phổ thông được các trường quan tâm thực hiện.

Triển khai thực hiện nghiêm túc công tác dạy thêm, học thêm; công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học; các trường linh hoạt trong việc thực hiện ra đề kiểm tra kết hợp với hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan. Triển khai thực hiện nghiêm túc Kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng kịp thời đến toàn thể học sinh cuối cấp học và có những biện pháp giúp học sinh định hướng nghề nghiệp. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục được thực hiện nghiêm túc đảm bảo tính công bằng khách quan (*Phụ lục 5a, 5b*).

2.4. Giáo dục thường xuyên, phổ cập giáo dục và hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng (*Phụ lục 7*)

Tiếp tục củng cố, duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục hàng năm, là đơn vị đầu tiên trong toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, phổ cập GDTH đúng độ tuổi mức độ II từ năm 2013 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS.

Toàn ngành đã bám sát các nội dung Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020, Đề án Xóa mù chữ đến năm 2020 để triển khai thực hiện. Đến nay, có gần 15% lao động nông thôn tham gia học tập, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học, công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng để áp dụng vào sản xuất đạt hiệu quả cao, góp phần xây dựng kinh tế địa phương, xóa đói, giảm nghèo, tiến tới xây dựng nông thôn mới. Mở được 02 lớp XMC với 88 học viên và 1 lớp tiếp tục sau biết chữ với 20 học viên góp phần giảm tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi.

Củng cố bộ máy hoạt động của 8/8 Trung tâm HTCD tại 08 xã, thị trấn. Tăng cường giải pháp củng cố mô hình hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng theo hướng kết hợp với Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã. Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời” từ ngày 05/10/2015 đến 10/10/2015 thu hút sự quan tâm của các tầng lớp nhân dân về xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời ở địa phương; phát động toàn dân tham gia xây dựng xã hội học tập, đưa hoạt động này đi vào chiều sâu.

Tiếp tục thực hiện Công văn số 24/CV-HKH, ngày 30/3/2015 của UBND tỉnh về việc vận động, hướng dẫn người dân sử dụng internet tại Thư viện - các điểm Bưu điện văn hóa xã/phường và sử dụng phần mềm quản lý các Trung tâm học tập cộng đồng”. Kết quả 100% cán bộ, giáo viên làm công tác Trung tâm học tập cộng đồng tại 8 xã thị trấn tham gia đầy đủ, áp dụng tại đơn vị có hiệu quả. Ngoài ra, phối hợp với

Hội Khuyến học các xã, thị trấn, các nhà trường để tìm giải pháp vận động, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học và tổ chức quản lý tốt các lớp bổ túc THCS trên địa bàn xã, thị trấn.

Xây dựng và củng cố các lớp học ở TTGD TX thực hiện 3 nhiệm vụ giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp - dạy nghề. Trung tâm GDTX huyện triển khai tuyển sinh đa dạng hóa các loại hình lớp học đào tạo, bồi dưỡng. Trong năm học huy động tổ chức được 6 loại hình và dạy học đầy đủ các môn học bắt buộc đối với các lớp GDTX cấp THPT, PCGD THCS, các lớp học nghề theo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Thực hiện nghiêm túc đổi mới phương pháp giảng dạy; thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng khuyến khích tinh thần tự học và ý thức học tập của học viên. Phối hợp chặt chẽ với các trường THPT, THCS tổ chức học nghề phổ thông cho 100% học sinh khối 8 và khối 11. Đã mở 02 lớp bồi dưỡng về dạy học tiếng Ê Đê cho đội ngũ là CCVC ngành giáo dục với 100 học viên và các 2 lớp Tin học với 115 học viên.

2. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (Phụ lục 1b)

Toàn ngành tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW, ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg, ngày 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD”. Tổng số đảng viên toàn ngành có 656 đảng viên, đạt tỷ lệ: 42% (trong đó Mầm non: 130/363, tỉ lệ 35,6%; tiểu học: 331/741, tỉ lệ 44,5%; THCS: 195/454, tỉ lệ 43%. Trình độ đạt chuẩn của cán bộ quản lý và giáo viên: 100% (trong đó, trình độ trên chuẩn của cán bộ quản lý và giáo viên là 71,8% (trong đó Mầm non: 129/298, tỉ lệ 43,3%; tiểu học: 538/634, tỉ lệ 83,3%; THCS: 294/393, tỉ lệ 74,8%).

Thực hiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý nhiệm kỳ 2016-2020. Tổng số nhân sự được quy hoạch là 167 (mầm non: 54, tiểu học: 77, THCS: 36), với tổng số 205 lượt chức danh. Trong đó: Quy hoạch lại có 87 người với 29 chức danh Hiệu trưởng, 58 chức danh Phó Hiệu trưởng; Quy hoạch mới có 110 người với 41 chức danh Hiệu trưởng, 69 chức danh Phó Hiệu trưởng; 05 trường hợp kéo dài chức danh Hiệu trưởng, 3 trường hợp kéo dài chức danh Phó Hiệu trưởng.

Rà soát đội ngũ cán bộ quản lý năm 2016, đề nghị bổ nhiệm lại, điều động và luân chuyển cán bộ quản lý tại các trường học trên địa bàn huyện và công chức làm việc lại phòng Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 4614/QĐ-UBND, ngày 22/10/2015 về quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, luân chuyển, kỷ luật Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường mầm non, trường mẫu giáo, trường tiểu học và trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện.

Thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên theo các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Triển khai việc đánh giá phân loại công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính Phủ.

Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp các đơn vị có thẩm quyền mở lớp ôn tập và thi chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của khung tham chiếu châu Âu cho công chức, viên chức trong ngành nhằm đảm bảo điều kiện tuyển dụng xét đặc cách viên chức và chuyển đổi mã số, chức danh nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên toàn ngành.

Thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương, chính sách thâm niên nhà giáo đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đặc biệt là đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng dân tộc thiểu số, vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chính sách đối với giáo viên mầm non.

3. Về tăng nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế tài chính giáo dục

Công tác tuyên truyền xã hội hóa giáo dục đã được UBND huyện, phòng Giáo dục và Đào tạo kết hợp với các trường quan tâm thực hiện thường xuyên đến người dân trên địa bàn huyện. Từ đó, nhân dân hiểu rõ tầm quan trọng của công tác xã hội hóa, góp phần tăng thêm các điều kiện phát triển giáo dục huyện nhà.

Thực hiện có hiệu quả việc huy động các nhà hảo tâm, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn góp phần đầu tư xây dựng trường lớp, cụ thể: UBND thành phố Hà Nội hỗ trợ 3,5 tỷ đồng để xây dựng 8 phòng học trường TH Y Nông, đến tháng 8/2016 công trình sẽ bàn giao đưa vào sử dụng cho năm học mới; Tập đoàn bưu chính Viễn thông Việt Nam đầu tư 1,5 tỷ đồng xây dựng 5 phòng học trường tiểu học Lê Lợi; Công ty thủy điện Buôn Kuốp xây dựng 3 phòng học, trang bị bàn ghế cho học sinh, giáo viên, bảng chống lóa tại phân hiệu buôn Ea Na, trường TH Lê Hồng Phong với số tiền 1 tỷ đồng; dự kiến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hỗ trợ 10 tỷ đồng xây dựng các phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn, công, tường rào, hệ thống nhà vệ sinh, sân chơi, bãi tập trường TH Nguyễn Viết Xuân.

Ngành thực hiện tương đối tốt công tác tham mưu với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính và UBND tỉnh cấp kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia để xây dựng trường THCS Buôn Tráp, trường MG Sơn Ca, trường THCS Lương Thế Vinh, trường TH Nguyễn Viết Xuân, trường THCS Lê Đình Chinh. Cấp 1,4 tỷ đồng mua sắm trang thiết bị phục vụ cho các trường; cấp 150 triệu đồng chi công tác xóa mù chữ và chống tái mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Toàn ngành đã thực hiện tốt tiết kiệm nguồn chi thường xuyên để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp một số phòng học và công trình phụ trợ, mua sắm CSVC để phục vụ dạy học cho các trường MN, TH và THCS với tổng số tiền 6,5 tỷ đồng.

Tổ chức kiểm tra CSVC các trường, kịp thời đầu tư xây dựng, sửa chữa CSVC trường học từ nguồn ngân sách huyện để xây dựng các trường đạt chuẩn Quốc gia theo kế hoạch (Mầm non Ea Tung, THCS Dur Kmăl, THCS Lê Đình Chinh) với tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng. Hiện tại, trường THCS Lê Đình Chinh đang tiến hành xây dựng, dự kiến năm cuối năm 2016 sẽ hoàn thành.

Công tác tăng cường thư viện - thiết bị trường học được chú trọng đầu tư. Đã lắp đặt 02 phòng máy vi tính, 500 bộ bàn ghế học sinh, 10 bộ bàn ghế văn phòng, 03 bộ bàn ghế phòng họp, 50 bộ bàn ghế giáo viên, 6 máy vi tính dạy lớp mầm non 5 tuổi, 8 bộ thiết bị đồ chơi ngoài trời, máy photocopy tại các trường học với tổng kinh phí trên 5 tỷ đồng.

Nhiều trường học đã làm tốt công tác huy động sự đóng góp của các tổ chức cá nhân nhằm xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài để hoạt động chuyên môn, với tổng số tiền trên 1 tỷ đồng; huy động kinh phí theo Nghị định số 24/NĐ-CP, ngày 16/04/1999 của Chính phủ cùng với ngân sách Nhà nước để xây dựng CSVC các trường trong địa bàn huyện với tổng số tiền khoảng 4 tỷ đồng, huy động các nhà hảo

tâm, các doanh nghiệp để tổ chức ngày Quốc tế thiếu nhi cho các cháu học sinh nghèo vượt khó. Hệ thống CSVN của các trường từng bước chuẩn hóa; tỷ lệ kiên cố hóa được nâng lên, trang thiết bị dạy học đầu tư; cảnh quan môi trường sư phạm được quan tâm xây dựng theo hướng “Xanh - sạch - đẹp”.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những nội dung đã làm tốt

Đảm bảo qui mô trường, lớp ngày càng ổn định và phát triển các loại hình trường lớp. Chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng mũi nhọn của giáo viên và học sinh được đầu tư có trọng điểm.

Triển khai thực hiện nghiêm túc công tác dạy học, kiểm tra đánh giá; quy chế thi cử theo quy định.

Tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả các các cuộc vận động lớn và phong trào thi đua trong ngành. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ giáo viên. Đa số cán bộ quản lý có nhiều cố gắng trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của ngành, cơ bản hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

Cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư; cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin được đầu tư mạnh, đúng hướng và ngày càng phát huy hiệu quả. Công tác xã hội hoá giáo dục; việc tham mưu, phối kết hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan duy trì và đạt kết quả tốt.

Công tác thanh, kiểm tra được tăng cường và đổi mới, nội dung tập trung vào việc thực hiện quy chế chuyên môn, công tác quản lý, công tác tài chính và chất lượng dạy học, kịp thời điều chỉnh những hạn chế yếu kém.

Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cấp trên; các khoản thu và chi theo thỏa thuận thực hiện đúng qui trình theo văn bản chỉ đạo; quán triệt tinh thần thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

2. Những hạn chế cần khắc phục

Công tác đánh giá chất lượng trường học và công tác bồi dưỡng thường xuyên đối với cá nhân và từng đơn vị còn mang tính hình thức.

Việc đầu tư xây dựng trường lớp trang thiết bị dạy học vẫn chưa đáp ứng kịp với yêu cầu đối với ngành giáo dục và đào tạo, vẫn còn phòng học mượn, tạm ở bậc Mầm non, Tiểu học. Nhiều trường Trung học cơ sở còn thiếu phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành. Toàn huyện mới chỉ có 01 trường có nhà đa năng.

Công tác quản lý, chỉ đạo ở một số đơn vị chưa thật sự sâu sát, thiếu chặt chẽ, chưa bám sát chỉ đạo của ngành, chưa tạo sự đoàn kết thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

Việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh ở một số cán bộ quản lý và giáo viên chưa đạt yêu cầu.

Chưa tổ chức được hội nghị duy trì sĩ số cấp huyện. Tỷ lệ đi học chuyên cần đối với một bộ phận học sinh, trong đó chủ yếu là học sinh dân tộc thiểu số chưa đảm bảo, tỷ lệ học sinh bỏ học ở cấp THCS còn cao.

Sự chênh lệch về chất lượng dạy và học giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn còn khá lớn.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện đánh giá chất lượng trường học và công tác bồi dưỡng thường xuyên trong toàn ngành được triển khai thực hiện nhưng chưa thực sự đi vào chiều sâu.

Năng lực của một số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chưa đồng đều nên việc thực hiện đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục còn hạn chế.

Sự phối hợp giữa nhà trường và công đoàn trong công tác thi đua khen thưởng tại một số đơn vị chưa được thực hiện đúng quy trình, chưa thực sự phát huy động lực phát triển cho đội ngũ.

Việc triển khai thực hiện đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt là đổi mới kiểm tra thi cử, định hướng nghề nghiệp ở một số đơn vị chưa thực sự có hiệu quả. Nội dung đổi mới đánh giá học sinh và thực hiện các chương trình thí điểm còn mới mẻ, còn có những vấn đề chưa phù hợp thực tế.

CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học mặc dù được đầu tư nhưng vẫn còn chậm, chất lượng chưa đáp ứng so với yêu cầu đổi mới.

Nhận thức của một bộ phận cha mẹ học sinh, nhất là người dân tộc thiểu số ở các thôn, buôn chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập và rèn luyện của con em mình, số học sinh nghỉ học theo thời vụ để ở nhà phụ giúp gia đình còn nhiều.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2016 - 2017

I. Quy mô trường, lớp, giáo viên và học sinh (Phụ lục 1c)

Năm học 2016-2017, toàn huyện có 49 cơ sở giáo dục với 813 lớp, 23.478 học sinh. Số lượng đội ngũ công chức, viên chức ngành giáo dục là 1.868 người, trong đó có 117 cán bộ quản lý, 1.458 giáo viên, 293 nhân viên. So với năm học trước, tổng số học sinh giảm 60 em, số lượng đội ngũ công chức, viên chức của ngành tăng 64 người.

II. Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2016 - 2017

1. Triển khai thực hiện Quyết định số 1893/QĐ-BGDĐT, ngày 03/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2016-2017 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 2079/QĐ-UBND, ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2016-2017 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên và Chỉ thị 3031/CT-BGDĐT, ngày 26/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày

04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 05/CT-TW, ngày 15/5/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn ngành. Tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng trong nhà trường gắn với việc đưa nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành thành hoạt động thường xuyên trong các nhà trường.

3. Tổ chức Hội thảo, tập huấn, chuyên đề về bồi dưỡng đội ngũ, đổi mới phương pháp dạy học, để nâng cao năng lực quản lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức trong ngành nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

4. Tiếp tục thực hiện công tác bổ nhiệm, điều động luân chuyển cán bộ quản lý, viên chức làm công tác tài chính các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo quy định. Thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên theo các thông tư quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Triển khai việc đánh giá phân loại công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP, ngày 9/6/2015 của Chính Phủ chính xác, công bằng dân chủ, công khai.

5. Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC, ngày 14/4/2015 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

6. Tiếp tục thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất gắn với việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, ưu tiên các trường công nhận lại. Tăng cường công tác xã hội hoá; huy động các nguồn lực phát triển giáo dục.

7. Tiếp tục củng cố, mở rộng quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Triển khai thực hiện đồng bộ các mục tiêu, giải pháp phát triển Giáo dục và Đào tạo và dạy nghề giai đoạn 2015-2020. Tổ chức thực hiện tốt kì thi THPT quốc gia. Thực hiện nghiêm túc công tác phân tuyển tuyển sinh ở tất cả các cơ sở giáo dục. Tiếp tục thực hiện bàn giao chất lượng học tập giữa các cấp, bậc học và giữa lớp dưới lên lớp trên, chấn chỉnh công tác dạy thêm, học thêm ở trong và ngoài cơ sở giáo dục.

8. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc việc đổi mới công tác tài chính giáo dục. Hướng dẫn công tác thu, chi nhằm chấm dứt tình trạng lạm thu trong trường học. Giải quyết đầy đủ các chính sách đối với nhà giáo, các chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc, học sinh thuộc diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học sinh khuyết tật.

9. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đánh giá chất lượng trường học và bồi dưỡng thường xuyên có chất lượng. Đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra nội bộ; quy chế dân chủ ở cơ sở tại các cơ sở giáo dục. Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đảm bảo 100% cơ sở giáo dục tự đánh giá chất lượng nghiêm túc, thực chất. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý tốt các cơ sở giáo dục mầm non tư thục trên địa bàn huyện.

10. Tiếp tục thực hiện duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2, phổ cập giáo dục THCS, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, ngày 24/3/2014 về thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020” và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng ở các xã, thị trấn.

11. Tiếp tục cải tiến công tác Thi đua - Khen thưởng theo hướng sát với cơ sở, hiệu quả, thực chất; xây dựng, phát hiện và bồi dưỡng các nhân tố mới. Phối hợp với Hội Khuyến học, Hội Cựu giáo chức huyện để tuyên truyền, phát huy truyền thống hiếu học, lao động sáng tạo của học sinh, gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học. Đẩy mạnh ứng dụng và phát huy hơn nữa vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học, trong sinh hoạt chuyên môn, trong quản lý giáo dục và hoạt động giáo dục./.

Nơi nhận: 

- Sở GD và ĐT;
- TT Huyện ủy; (b/c)
- TT HĐND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- Phòng GD-ĐT;
- Lãnh đạo VP;
- Các cơ sở giáo dục trong huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hữu Thọ

Bảng thống kê số lượng trường, lớp và học sinh năm học 2015 - 2016

Cơ sở giáo dục	Số đơn vị	Số lớp/nhóm	Học sinh (học viên)			HS bỏ học	
			Tổng số	Nữ	DTTS	TS	DTTS
Mầm non (cả Tư thực)	15	160	4.589	2.221	1.734	0	0
Tiểu học	20	334	7.995	3.823	2.597	6	6
THCS (cả PT DTNT)	10	170	5.502	2.803	1.467	121	71
THPT	3	79	3.009	1.729	449	109	45
TT GDTX	1	68	2.443	1.465	561	25	12
Tổng cộng	49	811	23.538	12.041	6.808	261	134

Bảng thống kê số lượng công chức, viên chức ngành giáo dục năm học 2015 - 2016

Cấp, bậc học	Số lượng CCVC	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
Mầm non	365	35	263	67
Tiểu học	744	49	585	110
THCS	454	25	369	60
THPT	212	10	177	25
TT GDTX	19	3	9	7
Tổng cộng	1.794	122	1.403	269



Bảng thống kê số lượng trường, lớp và học sinh năm học 2016 - 2017

Cơ sở giáo dục	Số đơn vị	Số lớp	Số HS	Đội ngũ công chức, viên chức			
				Tổng số	CBQL	Giáo viên	Nhân viên
Mầm non (cả Tư thực)	15	165	4.590	425	37	308	80
Tiểu học	20	329	7.868	744	49	585	110
THCS (cả PTDTNT)	10	170	5.492	468	18	379	71
THPT	3	79	3.068	212	10	177	25
TT GDTX	1	70	2.460	19	3	9	7
Tổng cộng	49	813	23.478	1.868	117	1.458	293

BẢNG TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG TRẺ 5 TUỔI NĂM HỌC 2015 - 2016
(Đánh giá theo bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định)

STT	TRƯỜNG	Tổng số trẻ 5 tuổi			Tổng số trẻ dự kiểm tra			Chất lượng đánh giá								Trẻ KT
		Số lượng	Nữ	DTTS	Số lượng	Nữ	DTTS	Giỏi	%	Khá	%	TB	%	Yếu	%	
1	MN EaTung	60	35	20	60	35	20	37	61,7	16	26,7	7	11,7	0	0	0
2	MN Mickey	68	30	18	68	30	18	54	79,4	14	20,6	0	-	0	0	0
3	MN Hoa Cúc	143	72	40	143	72	40	85	59,4	50	35,0	8	5,6	0	0	0
4	MN Hoa Sen	82	49	65	82	49	65	43	52,4	28	34,1	11	13,4	0	0	0
5	MN Krông Ana	121	58	2	121	58	2	37	30,6	69	57,0	14	11,6	1	0,8264	0
6	MN Hoa Phượng	148	77	46	144	73	45	63	43,8	58	40,3	23	16,0	0	0	4
7	MN Sao Mai	89	45	7	89	45	7	64	71,9	23	25,8	2	2,2	0	0	0
8	MN Sơn Ca	106	58	47	106	58	47	56	52,8	40	37,7	10	9,4	0	0	0
9	MN Cư Pang	88	39	73	88	39	73	42	47,7	32	36,4	14	15,9	0	0	0
10	MN Hoa Pơ Lang	98	51	68	98	51	68	45	45,9	43	43,9	10	10,2	0	0	0
11	MN Hoà Mi	104	57	0	104	57	0	57	54,8	40	38,5	7	6,7	0	0	0
12	MN Hoa Hồng	73	30	32	73	30	32	28	38,4	27	37,0	18	24,7	0	0	0
13	MN Bình Minh	41	19	38	41	18	36	14	34,1	20	48,8	4	9,8	3	7,3171	0
14	MN Ea Na	134	73	51	134	73	51	50	37,3	54	40,3	30	22,4	0	0	0
15	MN TT Mai Lan	31	9	3	31	9	3	20	64,5	8	25,8	3	9,7	0	0	0
Tổng cộng:		1.386	702	510	1.382	697	507	695	50,3	479	34,7	161	11,6	4	0,2894	4

Ghi chú: (Có 04 trẻ khuyết tật không kiểm tra, đánh giá)

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2015-2016

(Đánh giá kết quả trẻ theo chương trình GDMN mới)

STT	Tên trường	Tổng số HS	Nữ	DTTS	Đạt yêu cầu								Chưa đạt yêu cầu							
					Tổng		Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Tổng		Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc	
					Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	MN EaTung	202	84	51	202	100	84	100	51	100	20	100	0	0	0	0	0	0	0	0
2	MN Mickey	230	103	41	230	100	103	100	41	100	22	100	0	0	0	0	0	0	0	0
3	MN Hoa Cúc	342	166	89	342	100	166	100	89	100	46	100	0	0	0	0	0	0	0	0
4	MN Hoa Sen	237	130	187	233	98	128	98	185	99	101	99	4	16	2	1,5	2	2	1	1
5	MN Krông Ana	470	238	20	469	100	237	100	20	100	12	100	1	0	1	0	0	0	0	0
6	MN Hoa Phụng	433	214	146	418	97	206	96	141	97	69	96	15	3	8	4	5	3	3	4
7	MN Sao Mai	224	109	11	206	92	104	95	11	100	6	100	18	8	5	5	0	0	0	0
8	MN Sơn Ca	342	159	142	342	100	159	100	142	100	71	100	0	0	0	0	0	0	2	0
9	MN Cư Pang	259	136	209	259	100	136	100	209	100	107	100	0	0	0	0	0	0	0	0
10	MN Hoa Pơ Lang	405	194	248	405	100	194	100	248	100	119	100	0	0	0	0	0	0	0	0
11	MN Hoà Mi	340	163	3	332	98	163	2	2	0,58	1	0,29	8	2	3	2	2	1	1	1
12	MN Hoa Hồng	290	142	93	235	77	98	69	43	46	25	27	55	23	44	31	10	54	10	51
13	MN Bình Minh	114	63	105	102	89	60	95	95	91	55	93	12	11	3	5	7	10	4	7
14	MN Ea Na	399	198	168	399	1	198	1	168	1	80	1	0	0	0	0	0	0	0	0
15	MN TT Mai Lan	131	59	8	123	94	55	93	7	88	3	38	8	6	4	7	0	0	0	0
Tổng cộng:		4.418	2.158	1.521	4.297	97	2.091	97	1.452	95	737	51	121	2,8	70	3	26	2	21	3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH LỚP HỌC CẤP TIỂU HỌC NĂM HỌC 2015-2016

(Tính đến ngày 31/5/2016, theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên trường	Tổng HS	Hoàn thành										Chưa hoàn thành								Khuyết tật	
			Tổng		Nữ		Dân tộc		Nữ DT		Khuyết tật		Tổng		Nữ		Dân tộc		Nữ DT			
			Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	TH Ea Bông	321	312	97,2	163	52,2	228	73,1	124	76,1	5	1,6	9	2,8	2	22,2	9	100	2	100	1	11,1
2	TH Hà Huy Tập	286	282	98,6	132	46,8	19	6,74	10	7,58			4	1,4	2	50						
3	TH Hoàng Văn Thụ	352	340	96,6	174	51,2	121	35,6	62	35,6	1	0,29	12	3,41			8	66,7				
4	TH Krông Ana	706	696	98,6	323	46,4	31	4,45	14	4,33			11	1,56	6	54,6						
5	TH Lê Hồng Phong	557	547	98,2	266	48,6	163	29,8	77	29	2	0,37	10	1,8	6	60	8	80	5	83,3		
6	TH Lê Lợi	237	228	96,2	131	57,5	164	71,9	91	69,5	5	2,19	9	3,8	2	22,2	9	100	2	100		
7	TH Lý Tự Trọng	584	567	97,1	270	47,6	47	8,29	20	7,41			17	2,91	4	23,5	8	47,1	2	50		
8	TH Nguyễn T. M.Khai	418	416	99,5	204	49	17	4,09	10	4,9			2	0,48	2	100						
9	TH Nguyễn Văn Trỗi	646	636	98,5	298	46,9	1	0,16	1	0,34	4	0,63	10	1,55	1	10						
10	TH Nguyễn Viết Xuân	270	265	98,2	117	44,2	8	3,02	4	3,42	1	0,38	5	1,85								
11	TH Phan Bội Châu	258	255	98,8	115	45,1	7	2,75	1	0,87			3	1,16	1	33,3						
12	TH Tây Phong	373	366	98,1	181	49,5	121	33,1	59	32,6			7	1,88	4	57,1	7	100	4	100		
13	TH Tình Thương	247	240	97,2	114	47,5	231	96,3	110	96,5	2	0,83	7	2,83	1	14,3	7	100	1	100	1	14,3
14	TH Trần Phú	698	673	96,4	333	49,5	203	30,2	107	32,1			25	3,58	5	20	17	68	4	80		
15	TH Trần Quốc Toàn	328	324	98,8	154	47,5					1	0,31	4	1,22	1	25						
16	TH Trưng Vương	258	254	98,5	114	44,9	26	10,2	14	12,3	2	0,79	4	1,55	1	25						
17	TH Võ Thị Sáu	523	481	92	251	52,2	459	95,4	243	96,8	1	0,21	42	8,03	8	19,1	41	97,6	8	100		
18	TH Y Ngông	282	272	96,5	131	48,2	266	97,8	129	98,5	2	0,74	10	3,55	1	10	10	100	1	100		
19	TH Đinh Tiên Hoàng	318	314	98,7	162	51,6	180	57,3	85	52,5			4	1,26	2	50	3	75	2	100		
20	TH Đray Sáp	305	297	97,4	130	43,8	163	54,9	78	60			8	2,62	3	37,5	8	100	3	100		
	Tổng	7.967	7.765	97,4	3763	48,5	2455	31,6	1239	32,9	26	0,33	202	2,55	52	25,7	135	66,5	34	65,4	2	0,99

(Ghi chú: 28 học sinh khuyết tật không đánh giá)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC HỌC SINH CẤP TIỂU HỌC NĂM HỌC 2015-2016

(Tính đến ngày 31/5/2016, theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên trường	Tổng HS	Năng lực								Phẩm chất								Kiến thức -Kĩ năng							
			Đạt				Chưa đạt				Đạt				Chưa đạt				Hoàn thành				Chưa hoàn thành			
			Số lượng	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Dân tộc	Tỉ lệ %
1	TH Ea Bông	321	318	99,1	234	73,6	3	0,9	3	100	319	99,4	235	73,7	2	0,6	2	100	312	97,2	228	73,1	9	2,8	9	100
2	TH Hà Huy Tập	286	282	98,6	19	6,7	4	1,4	0	0	286	100	19	6,6	0	0	0	0	282	98,6	19	6,74	4	1,4		
3	TH Hoàng Văn Thụ	352	352	100	129	36,6	0	0	0	0	352	100	129	36,6	0	0	0	0	340	96,6	121	35,6	12	3,41	8	66,7
4	TH Krông Ana	706	695	98,4	31	4,5	11	1,6	0	0	706	100	31	4,4	0	0	0	0	696	98,6	31	4,45	11	1,56		
5	TH Lê Hồng Phong	557	547	98,2	163	29,8	10	1,8	8	80	557	100	171	30,7	0	0	0	0	547	98,2	163	29,8	10	1,8	8	80
6	TH Lê Lợi	237	228	96,2	164	71,9	9	3,8	9	100	236	99,6	172	72,9	1	0,4	1	100	228	96,2	164	71,9	9	3,8	9	100
7	TH Lý Tự Trọng	584	569	97,4	49	8,6	15	2,6	6	40	584	100	55	9,4	0	0	0	0	567	97,1	47	8,29	17	2,91	8	47,1
8	TH Nguyễn T. M. Khai	418	416	99,5	17	4,1	2	0,5	0	0	418	100	17	4,1	0	0	0	0	416	99,5	17	4,09	2	0,48		
9	TH Nguyễn Văn Trỗi	646	636	98,5	1	0,2	10	1,5	0	0	645	99,8	1	0,2	1	0,2	0	0	636	98,5	1	0,16	10	1,55		
10	TH Nguyễn Viết Xuân	270	270	100	8	3	0	0	0	0	270	100	8	3	0	0	0	0	265	98,2	8	3,02	5	1,85		
11	TH Phan Bội Châu	258	258	100	7	2,7	0	0	0	0	258	100	7	2,7	0	0	0	0	255	98,8	7	2,75	3	1,16		
12	TH Tây Phong	373	366	98,1	121	33,1	7	1,9	7	100	372	99,7	127	34,1	1	0,3	1	100	366	98,1	121	33,1	7	1,88	7	100
13	TH Tinh Thương	247	240	97,2	231	96,3	7	2,8	7	100	240	97,2	231	96,3	7	2,8	7	100	240	97,2	231	96,3	7	2,83	7	100
14	TH Trần Phú	698	673	96,4	203	30,2	25	3,6	17	68	697	99,9	219	31,4	1	0,1	1	100	673	96,4	203	30,2	25	3,58	17	68
15	TH Trần Quốc Toàn	328	324	98,8	0	0	4	1,2	0	0	328	100	0	0	0	0	0	0	324	98,8			4	1,22		
16	TH Trưng Vương	258	254	98,4	25	9,8	4	1,6	1	25	258	100	26	10,1	0	0	0	0	254	98,5	26	10,2	4	1,55		
17	TH Võ Thị Sáu	523	507	96,9	484	95,5	16	3,1	16	100	521	99,6	498	95,6	2	0,4	2	100	481	92	459	95,4	42	8,03	41	97,6
18	TH Y Ngông	282	282	100	276	97,9	0	0	0	0	282	100	276	97,9	0	0	0	0	272	96,5	266	97,8	10	3,55	10	100
19	TH Đinh Tiên Hoàng	318	314	98,7	180	57,3	4	1,3	3	75	314	98,7	180	57,3	4	1,3	3	75	314	98,7	180	57,3	4	1,26	3	75
20	TH Đray Sáp	305	305	100	171	56,1	0	0	0	0	305	100	171	56,1	0	0	0	0	297	97,4	163	54,9	8	2,62	8	100
	TỔNG CỘNG:	7.967	7.836	98,4	2513	32,1	131	1,6	77	58,8	7.948	99,8	2573	32,4	19	0,24	17	0,21	7.765	97,4	2455	31,6	202	2,55	135	66,5

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM, HỌC LỰC NĂM HỌC 2015-2016 CẤP THCS

TRƯỜNG THCS	Tổng số HS	Hạnh kiểm								Học lực									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
THCS Lê Đình Chinh	488	387	79,3	95	19,5	6	1,2	0	0,0	82	16,8	159	32,6	174	35,7	70	14,3	3	0,6
THCS Lê Văn Tám	429	303	70,6	125	29,1	1	0,2	0	0,0	48	11,2	163	38,0	190	44,3	27	6,3	1	0,2
THCS Buôn Trấp	1129	939	83,2	161	14,3	29	2,6	0	0,0	284	25,2	454	40,2	342	30,3	46	4,1	3	0,3
THCS Lương Thế Vinh	690	579	83,9	86	12,5	25	3,6	0	0,0	143	20,7	289	41,9	209	30,3	37	5,4	12	1,7
THCS Dur Kmăn	430	339	78,8	71	16,5	19	4,4	1	0,2	31	7,2	150	34,9	211	49,1	38	8,8	0	0,0
THCS Băng A Drênh	180	126	70,0	47	26,1	7	3,9	0	0,0	14	7,8	61	33,9	98	54,4	7	3,9	0	0,0
THCS Tô Hiệu	621	401	64,6	195	31,4	25	4,0	0	0,0	21	3,4	173	27,9	290	46,7	132	21,3	5	0,8
THCS Nguyễn Trãi	783	627	80,1	122	15,6	33	4,2	1	0,1	130	16,6	262	33,5	301	38,4	78	10,0	12	1,5
THCS Lê Quý Đôn	573	374	65,3	157	27,4	42	7,3	0	0,0	58	10,1	144	25,1	222	38,7	131	22,9	18	3,1
PT DTNT	156	124	79,5	30	19,2	2	1,3	0	0,0	13	8,3	49	31,4	85	54,5	9	5,8	0	0,0
Toàn cấp	5.479	4.199	76,64	1.089	19,9	189	3,45	2	0,04	824	15,04	1.904	34,75	2122	38,73	575	10,49	54	0,99
So sánh năm học 2014-2015			Tăng 0,5%		Giảm 0,3%		Giảm 0,2%				Tăng 1,4%		Giảm 1%		Giảm 0,9%		Tăng 0,4%		

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2015-2016

STT	TÊN TRƯỜNG	Tổng HS dự xét	Nữ dự xét		Dân tộc dự xét		Tự do dự xét		Đỗ TN		Nữ TN		Dân tộc TN		TN Giỏi		TN Khá	
			Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	THCS Lê Đình Chinh	116	56	48,3	0	0	0	0	115	99,1	56	100	0	100	22	7,1	44	48,9
2	THCS Lê Văn Tám	107	64	59,8	3	2,8	0	0	106	99,1	64	100	3	100	7	6,6	40	37,7
3	THCS Lương Thế Vinh	187	96	51,3	22	11,8	0	0	183	97,9	96	100	22	100	42	23	64	35
4	THCS Buôn Trấp	262	154	58,8	16	6,1	0	0	257	98,1	154	100	14	87,5	66	25,7	103	40,1
5	THCS Dur Kmăn	98	44	44,9	41	41,8	0	0	92	93,9	41	93,2	36	87,8	5	5,4	36	39,1
6	THCS Băng Adrênh	47	24	51,1	11	23,4	0	0	45	95,7	23	95,8	10	90,9	4	8,9	21	46,7
7	THCS Tô Hiệu	134	70	52,2	71	53	0	0	129	96,3	68	97,1	66	93	4	3,1	30	23,3
8	THCS Nguyễn Trãi	203	99	48,8	32	15,8	0	0	195	96,1	99	100	32	100	42	21,5	72	36,9
9	THCS Lê Quý Đôn	138	74	53,6	44	31,9	2	1,4	131	94,9	73	98,6	41	93,2	16	12,2	45	34,4
10	PTDTNT Krông Ana	36	23	63,9	34	94,4	0	0	36	100	23	100	34	100	4	11,1	14	38,9
TỔNG CỘNG		1.328	704	53,01	274	20,63	2	0,2	1.289	97,06	697	54,07	258	20,02	212	16,4	469	36,38



Phụ lục 5a

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM, HỌC LỰC NĂM HỌC 2015-2016 CẤP THPT

KHỐI LỚP, TRƯỜNG	Tổng số HS	Hạnh kiểm								Học lực									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi				TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	440	269	61,1	137	31,1	30	6,8	4	0,9	54	12,3	131	29,8	161	36,6	77	17,5	17	3,9
11	405	330	81,5	65	16,0	9	2,2	1	0,2	47	11,6	207	51,1	144	35,6	7	1,7	0	0,0
12	424	396	93,4	25	5,9	3	0,7	0	0,0	16	3,8	255	60,1	149	35,1	4	0,9	0	0,0
THPT Krông Ana	1.269	995	78,408	227	17,888	42	3,31	5	0,394	117	9,22	593	46,73	454	35,78	88	6,935	17	1,34
10	355	246	69,3	89	25,1	20	5,6	0	0,0	22	6,2	125	35,2	162	45,6	45	12,7	1	0,3
11	248	166	66,9	71	28,6	11	4,4		0,0	3	1,2	58	23,4	155	62,5	31	12,5		0,0
12	285	250	87,7	34	11,9	1	0,4		0,0	5	1,8	108	37,9	159	55,8	13	4,6		0,0
THPT Hùng Vương	888	662	74,5	194	21,8	32	3,6	0	0,0	30	3,4	291	32,8	476	53,6	89	10,0	1	0,1
10	269	175	65,1	92	34,2	2	0,7	0	0,0	13	4,8	91	33,8	105	39,0	60	22,3	0	0,0
11	235	179	76,2	55	23,4	1	0,4	0	0,0	8	3,4	103	43,8	92	39,2	32	13,6	0	0,0
12	219	177	80,8	41	18,7	1	0,5	0	0,0	7	3,2	85	38,8	95	43,4	32	14,6	0	0,0
THPT Phạm Văn Đồng	723	531	73,4	188	26,0	4	0,6	0	0,0	28	3,87	279	38,59	292	40,39	124	17,15	0	0
TỔNG	2.880	2.188	75	609	22	78	2	5	0	175	5	1.163	39	1.222	43	301	11	18	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN SINH NĂM HỌC 2016-2017 CẤP THPT

TRƯỜNG THPT	Số lớp 10 năm học 2016-2017	Số chỉ tiêu được giao	Số HS trúng tuyển	Trong số HS trúng tuyển		Điểm chuẩn	Ghi chú
				Trong địa bàn tuyển sinh	Ngoài địa bàn tuyển sinh		
Krông Ana	11	440	451	451	0	27	
Hùng Vương	9	370	373	373	0	25,5	
Phạm Văn Đồng	7	300	302	302	0	26,5	
TỔNG CỘNG	27	1110	1126	1126	0		

QUY MÔ TRƯỜNG LỚP NĂM HỌC 2016-2017 CẤP THPT

Tên trường	Tổng số phòng học	Số phòng chức năng (phòng bộ môn)	Khối	Số học sinh				Số lớp	Số HS/lớp	Số lớp so với năm học 2015 - 2016	
				Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ DT			Tăng	Giảm
Krông Ana	33	10	10	451	262	43	25	11	41		1
			11	440	237	28	15	11	40	1	
			12	405	253	17	12	11	37		
Cộng	33	10		1296	752	88	52	33	39	1	1
Hùng Vương	23	4	10	373	213	92	62	9	41,44		1
			11	355	190	82	57	10	35,5	3	
			12	248	119	75	49	7	35,43		1
Cộng	23	4		976	522	249	168	26	38	3	2
Phạm Văn Đồng	20	2	10	304	172	56	39	7	45		
			11	269	166	49	42	7	43		
			12	235	152	35	24	6	43		
Cộng	20	2		808	490	140	105	20	43	0	0
TỔNG CỘNG	76	16		3080	1764	477	325	79	40	4	3

KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2015-2016

STT	Tên trường	Thông tin chung				Tốt nghiệp sau phúc khảo					
		Số TS Đăng ký dự thi	Số TS dự thi	Trong đó		Số TS được công nhận tốt nghiệp	Trong đó				
				Tổng số nữ	Tổng số dân tộc		Tỷ lệ (%)	Số TS nữ	Tỷ lệ (%)	Số TS dân tộc	Tỷ lệ (%)
1	THPT Hùng Vương	285	281	154	63	243	86,5	142	92,2	49	77,8
2	THPT Krông Ana	424	424	269	8	416	98,1	266	98,9	8	100,0
3	THPT Phạm Văn Đồng	218	218	123	30	211	96,8	120	97,6	27	90,0
Tổng HS THPT		927	923	546	101	870	94,3	528	96,7	84	83,2
4	TT GDTX Krông Ana	38	37	8	23	16	43,2	4	50,0	9	39,1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC HỌC	Các chỉ tiêu	Trong đó								
		Tỷ lệ %/ 8 xã, thị trấn	Xã Đray Sáp	Xã Ea Na	Xã Ea Bông	TT Buôn Tráp	Xã Băng Adrênh	Xã Đur Kmăl	Xã Bình Hòa	Xã Quảng Điền
MẦM NON	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường	100,0	100,0	100	100	100	100	100	100	100
	Tỷ lệ đi học chuyên cần của trẻ 5 tuổi	97,6	98,3	99,5	93,0	99,7	97,3	98,2	95,9	99,0
	Tỷ lệ trẻ 5T hoàn thành CT GDMN	100,0	100,0	100,0	100	100	100	100	100	100
	Tỷ lệ trẻ 5 T suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3,9	2,3	2,0	2,7	2,6	6,9	6,4	3,1	5,0
	Tỷ lệ trẻ 5T suy dinh dưỡng thể thấp còi	3,6	2,3	3,5	3,5	2,8	5,6	6,4	3,1	2,0
TIỂU HỌC	Trẻ trong độ tuổi vào lớp 1	100	100	100	100	100	100	100	100	100
	11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học	91,7	92,6	91,3	90,3	90,2	93,7	90,7	91,1	93,9
	HS học từ 7 buổi trở lên	100,0	100	100	100	100	100	100	100	100
	Tổng số HS	7.995	841	1.072	1.269	2.564	373	637	589	650
THCS	Tỷ lệ % trẻ (11-14) tuổi tốt nghiệp Tiểu học	96,9	98,3	97,6	95,8	96,4	96,2	95,2	97,5	98,4
	Tỷ lệ % tốt nghiệp tiểu học vào học lớp 6	99,7	99,4	99,5	100,0	99,4	100,0	100,0	99,2	100,0
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	99,1	100	97,79	98,8	99,26	100	100	99,15	97,5
	Tỷ lệ % thanh niên (15-18) tuổi tốt nghiệp THCS	83,3	85,9	87,7	80,5	85,8	77,1	79,2	84,2	86,3